

BẢNG KẾT QUẢ THI KỸ NĂNG NÓI**Kỳ thi:** Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) **Phòng thi:** Phòng B1.202**Môn thi:** Kỹ năng nói**Ca thi:** 13h30**Ngày thi:** 14/12/2021

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ		
1	TA0001	Phan Đình Hoàng	23/04/1999				
2	TA0002	Đỗ Đức Kiên	24/03/1999				
3	TA0003	Nguyễn Minh Hiếu	16/09/1999				
4	TA0004	Trần Đức Soạn	11/10/1999				
5	TA0005	Nguyễn Thị Thùy	29/08/1999				
6	TA0006	Nguyễn Mạnh Quân	22/04/1999				
7	TA0007	Nguyễn Phương Uyên	11/08/1999				
8	TA0008	Lê Minh Hiếu	27/07/1999				
9	TA0009	Nguyễn Anh Minh	16/08/1999				
10	TA0010	Lê Quang Nhật	19/03/1999				
11	TA0011	Trần Hồng Hạnh	12/07/1999				
12	TA0012	Trần Thanh Tùng	19/03/1999				
13	TA0013	Nguyễn Phúc Duyệt	09/11/1995				
14	TA0014	Trần Bá Thành	19/09/1999				
15	TA0015	Trịnh Đức Hoàng	06/09/1999				
16	TA0016	Phạm Khắc Kiên	13/06/1999				
17	TA0017	Nguyễn thành Công	24/02/1999				
18	TA0018	Vương Quốc Hải	20/05/1999				
19	TA0019	Nguyễn Hoàng Văn	27/02/1998				
20	TA0020	Ngô Thế Hải	17/07/1999				
21	TA0021	Triệu Việt Anh	15/10/1996				
22	TA0022	Nguyễn Hữu Huy Huy	13/03/1999				
23	TA0023	Trần Phương Hiệp	23/10/1999				
24	TA0024	Trần Huy Hoàng	14/01/1999				
25	TA0025	Đoàn Thị Thu Hà	03/07/1999				
26	TA0026	Lê Tùng Dương	21/09/1999				
27	TA0027	Nguyễn Hà Phương	14/11/1999				
28	TA0028	Nguyễn Đức Bảo Bảo	16/11/1999				
29	TA0029	Nguyễn Anh Dương	28/12/1999				
30	TA0030	Ngô Việt Dũng	27/02/1995				
31	TA0031	Nguyễn Tiến Du	24/12/1999				
32	TA0032	Nguyễn Ngọc Dương	20/01/1999				
33	TA0033	Lê Văn Tuyên	21/03/1999				

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ		
34	TA0034	Lê Văn Tình	10/09/1999				
35	TA0035	Đặng Văn Duy	13/08/1999				
36	TA0036	Nguyễn Văn Tiến	24/06/1999				
37	TA0037	Mai Đức Anh	26/12/1999				
38	TA0038	Nguyễn Ngọc Thiện	11/12/1999				
39	TA0039	Nguyễn Thanh Phong	09/03/1999				
40	TA0040	Nguyễn Hải Anh	15/09/1999				
41	TA0041	Hoàng Thị Phương Thảo	27/04/1999				
42	TA0042	Nguyễn Long Đạt	01/02/1999				
43	TA0043	Trần Thị Thuỳ Linh	23/03/1999				
44	TA0044	Đặng Đức Anh	14/07/1999				
45	TA0045	Đinh Hoàng Quý	22/06/1999				
46	TA0046	Nguyễn Đình Đức	14/10/1999				
47	TA0047	Chu Việt Hoàng	24/01/1999				
48	TA0048	Hồ Minh Quang	18/06/1999				
49	TA0049	Hoàng Thị Thùy Linh	26/10/1999				
50	TA0050	Lê Ngọc Giang	02/09/1983				
51	TA0051	Lê Quốc Đạt	20/05/1999				
52	TA0052	Đỗ Mạnh Dũng	27/02/1999				
53	TA0053	Lê Anh Đức	22/02/1999				
54	TA0054	Ngô Thế Hùng	29/08/2000				
55	TA0055	Nguyễn Tiến Huy Hoàng	25/10/2000				
56	TA0056	Lê Thị Hương Ly	28/03/2000				
57	TA0057	Phạm Thị Lan Hương	16/08/2000				
58	TA0058	Trần Bình	05/05/2000				

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ chấm thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ chấm thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)